

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/4/2023

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**
Bà **Nguyễn Thị Hồng Ánh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Ông **Bùi Đức Mậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 27/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị L**, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 16, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh **Hồ Văn X**, sinh năm 1977 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Chị L và anh X yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc, có 02 người con chung. Tuy nhiên, đến cuối năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hiểu

nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn X.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1995 và Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai ngày 11/4/2023 anh Hồ Văn X trình bày:* Anh X và chị L tự tìm hiểu yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn là đúng. Anh và chị L có 02 người con chung. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh và chị L đã sống ly thân gần 20 năm nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1995 và Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1996. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X là vợ chồng; Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1995 và Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1996 đã trưởng thành các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: áp dụng áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: chị Võ Thị L nộp án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Võ Thị L thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X thiết lập quan hệ hôn nhân vào năm 1994. Anh chị về chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do không hiểu nhau, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh X không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên khi chị L yêu cầu ly hôn thì được anh X đồng ý.

Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh X không có đăng ký kết hôn là vi phạm tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình 2014. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X là vợ chồng.

- *Về quan hệ con chung:* Có 02 người con chung tên Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1995 và Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1996 đã trưởng thành các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nợ chung:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1995 và Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1996 đã trưởng thành các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004167, ngày 10/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị L không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Võ Thị L và anh Hồ Văn X biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*

- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*

- *Các đương sự;*

- *Lưu hồ sơ./*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến

